

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 24 /CBTT-CTCSCC

TP.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA  
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TP.HCM

Trụ sở chính: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38 536 883 Fax: (028) 38 592 896

Người thực hiện công bố thông tin: ông Huỳnh Trí Dũng

Địa chỉ: 121 Châu Văn Liêm, phường 14, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): (08) 38 536 883 Fax: (08) 38 592 896

Loại thông tin công bố:  24h  72h  Yêu cầu  Bất thường  Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh thông báo tình hình công bố thông tin:

Báo cáo soát xét tài chính bán niên năm 2021.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Huỳnh Trí Dũng**



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
(đã được soát xét)



## **NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 29
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 29

TT  
CÔ  
CHNP  
NGI  
A  
INH

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch	
Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên	
Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên	
Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên	
Ông Mai Đăng Khôi	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
Bà Trần Thị Hạnh Tiên	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Huỳnh Trí Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Xuân Liễu	Trưởng ban
Ông Trần Nam Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Tấn Phong	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Trif Dũng  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

C.T.P.H  
HẠN  
ĐOÀN  
P.H.A

Số: 130821.001/BCTC.KT1

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh được lập ngày 13 tháng 08 năm 2021, từ trang 6 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 300321.013/BCTC.KT1 ngày 30 tháng 03 năm 2021 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,573 tỷ VND. Tại thời điểm 30/06/2021, chúng tôi vẫn chưa thu thập được các tài liệu nêu trên, do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty.

## Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chiêu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

- Trong năm 2020, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Hiện tại, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Thuyết minh số 27 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ).
- Công ty ghi nhận giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với tổng số tiền là 8,997 tỷ đồng và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết xem Thuyết minh số 7 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ).

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Phạm Anh Tuấn**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2021

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>392.286.018.672</b>	<b>383.935.237.607</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>178.316.930.892</b>	<b>153.742.101.550</b>
111 1. Tiền		43.316.930.892	38.742.101.550
112 2. Các khoản tương đương tiền		135.000.000.000	115.000.000.000
<b>120 II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>80.000.000.000</b>	<b>35.000.000.000</b>
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		80.000.000.000	35.000.000.000
<b>130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>72.782.409.452</b>	<b>158.256.578.115</b>
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	35.685.887.823	124.462.468.259
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	1.445.972.704	2.298.011.950
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	7	35.650.548.925	31.496.097.906
<b>140 IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>61.178.554.081</b>	<b>34.575.600.834</b>
141 1. Hàng tồn kho		64.938.168.320	38.335.215.073
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.759.614.239)	(3.759.614.239)
<b>150 V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>8.124.247</b>	<b>2.360.957.108</b>
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	8.124.247	13.669.500
153 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	-	2.347.287.608
<b>200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>61.407.558.172</b>	<b>66.308.903.913</b>
<b>220 II. Tài sản cố định</b>		<b>17.992.020.994</b>	<b>18.594.753.174</b>
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	17.992.020.994	18.594.753.174
222 - Nguyên giá		76.568.771.891	76.508.648.891
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(58.576.750.897)	(57.913.895.717)
<b>260 VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>43.415.537.178</b>	<b>47.714.150.739</b>
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	10	43.415.537.178	47.714.150.739
<b>270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>453.693.576.844</b>	<b>450.244.141.520</b>

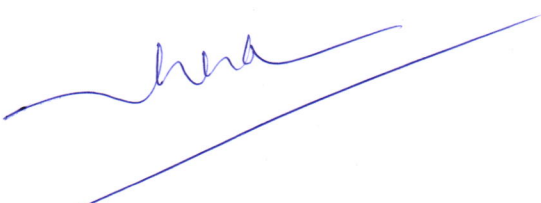


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021


(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>300 C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>146.088.424.331</b>	<b>137.555.217.408</b>
<b>310 I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>146.088.424.331</b>	<b>137.555.217.408</b>
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	54.378.909.909	52.716.652.402
312 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12	18.572.817.781	10.584.039.220
313 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	5.063.968.801	770.437.795
314 4. Phải trả người lao động		9.868.585.474	36.552.673.726
315 5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	3.699.778.835	6.359.430.785
319 6. Phải trả ngắn hạn khác	15	40.390.084.239	20.610.905.296
322 7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		14.114.279.292	9.961.078.184
<b>400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>307.605.152.513</b>	<b>312.688.924.112</b>
<b>410 I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>307.257.548.509</b>	<b>312.341.320.108</b>
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		284.000.000.000	284.000.000.000
411a - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		284.000.000.000	284.000.000.000
418 2. Quỹ đầu tư phát triển		1.797.845.000	-
421 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.459.703.509	28.341.320.108
421a - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		-	2.324.410.116
421b - LNST chưa phân phối kỳ này		21.459.703.509	26.016.909.992
<b>430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>		<b>347.604.004</b>	<b>347.604.004</b>
431 1. Nguồn kinh phí	17	347.604.004	347.604.004
<b>440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>453.693.576.844</b>	<b>450.244.141.520</b>

  
Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

  
Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

  
Huỳnh Trí Dũng

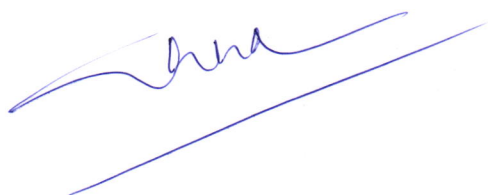
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
01 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	168.493.632.067	167.240.189.733
10 2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		168.493.632.067	167.240.189.733
11 3. Giá vốn hàng bán	20	112.209.762.103	113.427.067.390
20 4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		56.283.869.964	53.813.122.343
21 5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	3.278.450.568	4.046.355.758
26 6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	32.781.927.147	31.570.713.818
30 7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		26.780.393.385	26.288.764.283
31 8. Thu nhập khác		260.556.683	53.343.000
32 9. Chi phí khác		162.320.682	55.621.150
40 10. Lợi nhuận khác		98.236.001	(2.278.150)
50 11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.878.629.386	26.286.486.133
51 12. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	5.418.925.877	5.332.261.457
60 13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>21.459.703.509</u>	<u>20.954.224.676</u>
70 14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	658	677



Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021



Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng



Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	267.540.782.471	263.547.710.926
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(112.117.692.033)	(148.560.483.098)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(70.747.986.438)	(72.168.243.282)
05	4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	-	(1.230.220.601)
06	5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	131.809.900	73.606.400
07	6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(17.997.672.326)	(19.002.379.759)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>66.809.241.574</b>	<b>22.659.990.586</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
23	1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(80.000.000.000)	(140.000.000.000)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	35.000.000.000	50.000.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.766.998.518	4.152.492.743
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(42.233.001.482)</b>	<b>(85.847.507.257)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(1.410.750)	(3.971.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(1.410.750)</b>	<b>(3.971.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>24.574.829.342</b>	<b>(63.191.487.671)</b>
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	153.742.101.550	149.268.087.468
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	<b>3 178.316.930.892</b>	<b>86.076.599.797</b>

  
Trương Thị Thùy Ngân

Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

  
Nguyễn Thị Xuân Đông

Kế toán trưởng

  
Huỳnh Trí Dũng

Tổng Giám đốc



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, trước đây là Công ty TNHH Một thành viên Chiếu sáng Công cộng thành phố Hồ Chí Minh, một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa và chính thức chuyển sang Công ty Cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh lần 5 số 0300423479 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 07 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại số 121 Châu Văn Liêm, quận 5, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là 284.000.000.000 đồng (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng chẵn), tương đương 28.400.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 395 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 372 người).

#### Lĩnh vực kinh doanh

Quản lý vận hành, duy tu, sửa chữa hệ thống chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát giao thông, bảng thông tin giao thông điện tử.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành, duy tu bảo dưỡng các hệ thống đèn chiếu sáng công cộng;
- Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế, lập dự toán, lập hồ sơ mời thầu, giám sát thi công, quản lý điều hành dự án các công trình: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử;
- Thi công xây lắp mới hệ thống: chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, camera quan sát, bảng thông tin giao thông điện tử.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính giữa niên độ và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 2.3 . Công cụ tài chính

#### *Ghi nhận ban đầu*

##### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

##### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

#### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán căn cứ khả năng thu hồi theo quy định của pháp luật.

### 2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### 2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm

## 2.9 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

## 2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian phân bổ từ 01 đến 03 năm.
- Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm theo hướng dẫn của Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành công ty cổ phần.

## 2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

## 2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.13 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.14 . Doanh thu

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## 2.15 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

## 2.16 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

### *a) Chi phí thuế TNDN hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

*b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành*

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động sản xuất kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.

**2.17 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ kế toán.

**2.18 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**2.19 . Thông tin bộ phận**

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động duy tu và thi công xây lắp, đồng thời doanh thu phát sinh chủ yếu trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh do đó Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	145.205.317	2.048.784
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.171.725.575	38.740.052.766
Các khoản tương đương tiền (i)	135.000.000.000	115.000.000.000
	<u>178.316.930.892</u>	<u>153.742.101.550</u>

(i) Tại ngày 30/06/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 3,2%/năm đến 3,5%/năm.



#### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	80.000.000.000	-	35.000.000.000	-
	<b>80.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>-</b>

(i) Tại ngày 30/06/2021, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là các khoản tiền gửi kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 3,7%/ năm đến 3,9%/năm.

#### 5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Khu Quản lý giao thông đô thị số 1	7.934.646.435	-	31.966.579.190	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 2	1.297.036.755	-	5.159.432.697	-
Khu Quản lý giao thông đô thị số 3	8.623.928.436	-	11.628.250.516	-
Trung tâm quản lý đường hầm sông Sài Gòn	2.995.763.424	-	3.969.381.424	-
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông Đà Nẵng	2.929.657.000	-	2.929.657.000	-
Trung tâm quản lý hạ tầng kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh	-	-	35.762.334.782	-
Trung tâm Quản lý điều hành giao thông đô thị	-	-	8.814.561.700	-
Sở Giao thông Vận tải tỉnh Tây Ninh	-	-	7.995.924.000	-
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực thành phố Bến Tre	-	-	5.020.361.000	-
Các đối tượng khác	11.904.855.773	-	11.215.985.950	-
	<b>35.685.887.823</b>	<b>-</b>	<b>124.462.468.259</b>	<b>-</b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Âm Thanh Quốc Vũ	346.585.000	-	-	-
Công ty TNHH Đầu Tư Xây Dựng Lê Châu	290.161.800	-	-	-
Công ty TNHH Tư Vấn Đầu tư và Xây dựng Vũ Cường	-	-	1.668.133.150	-
Các đơn vị khác	809.225.904	-	629.878.800	-
	<b>1.445.972.704</b>	<b>-</b>	<b>2.298.011.950</b>	<b>-</b>

**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	172.798.862	-	172.798.862	-
Tạm ứng cho nhân viên	90.000.000	-	-	-
Dự thu lãi tiền gửi	1.012.397.258	-	500.945.208	-
Ký quỹ bảo đảm thực hiện hợp đồng, chờ quyết toán	23.810.753.361	-	20.587.873.668	-
Phải thu thuế TNCN	567.603.432	-	237.484.156	-
Điều chỉnh giảm doanh thu các công trình duy tu hoàn thành trước giai đoạn trước cổ phần hóa (*)	8.997.051.542	-	8.997.051.542	-
Phải thu Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh về lợi nhuận nộp thừa	808.698.388	-	808.698.388	-
Phải thu khác	191.246.082	-	191.246.082	-
	<b>35.650.548.925</b>	<b>-</b>	<b>31.496.097.906</b>	<b>-</b>
<b>Phải thu khác là các bên liên quan</b>	<b>808.698.388</b>	<b>-</b>	<b>808.698.388</b>	<b>-</b>

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)

(\*) Các khoản điều chỉnh doanh thu theo quyết toán được các chủ đầu tư phê duyệt trong năm 2018, 2019 của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước cổ phần hóa và giá vốn tương ứng của các công trình này. Phần lợi nhuận điều chỉnh này phát sinh trước giai đoạn cổ phần hóa và ảnh hưởng đến giá trị doanh nghiệp cổ phần, do đó được Công ty theo dõi trên khoản mục Phải thu khác và chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.585.352.649	(3.759.614.239)	14.196.104.517	(3.759.614.239)
Công cụ, dụng cụ	209.278.300	-	176.494.700	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	46.038.173.967	-	23.857.057.619	-
- Hoạt động duy tu	14.098.056.093	-	8.140.621.185	-
- Công trình đường gom thuộc tuyến đường dẫn cao tốc Tp. Hồ Chí Minh - Trung Lương	3.563.257.496	-	3.563.257.496	-
- Dự án thay thế hệ thống đèn LED trên các tuyến quốc lộ tỉnh Đồng Nai	7.449.581.237	-	7.402.077.142	-
- Lắp đặt bổ sung đèn chiếu sáng phố đi bộ Nguyễn Huệ, Quận 1	2.072.072.461	-	2.072.072.461	-
- Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng đoạn từ suối Sầu đến nhà thờ Bình Nguyên, Tây Ninh	14.148.551.358	-	-	-
- Sửa chữa và nâng cấp đường Tỉnh lộ 9 (Đặng Thúc Vịnh) địa điểm Huyện Hóc Môn	1.957.941.161	-	-	-
- Các công trình khác	2.748.714.161	-	2.679.029.335	-
Thành phẩm	105.363.404	-	105.558.237	-
	<b>64.938.168.320</b>	<b>(3.759.614.239)</b>	<b>38.335.215.073</b>	<b>(3.759.614.239)</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	33.905.931.917	2.994.289.900	36.731.222.029	2.877.205.045	76.508.648.891
- Mua trong kỳ	-	-	-	60.123.000	60.123.000
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>33.905.931.917</b>	<b>2.994.289.900</b>	<b>36.731.222.029</b>	<b>2.937.328.045</b>	<b>76.568.771.891</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	15.635.063.999	2.880.445.082	36.731.222.029	2.667.164.607	57.913.895.717
- Khấu hao trong kỳ	568.077.920	43.494.100	-	51.283.160	662.855.180
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.203.141.919</b>	<b>2.923.939.182</b>	<b>36.731.222.029</b>	<b>2.718.447.767</b>	<b>58.576.750.897</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu kỳ	18.270.867.918	113.844.818	-	210.040.438	18.594.753.174
Tại ngày cuối kỳ	<b>17.702.789.998</b>	<b>70.350.718</b>	-	<b>218.880.278</b>	<b>17.992.020.994</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết còn sử dụng: 47.452.463.722 VND.



**10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Các khoản khác	8.124.247	13.669.500
	<b>8.124.247</b>	<b>13.669.500</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Lợi thế kinh doanh (*)	43.376.500.673	47.714.150.739
Tiền cước internet	33.517.241	-
Phí duy trì tài khoản Thư viện pháp luật	5.519.264	-
	<b>43.415.537.178</b>	<b>47.714.150.739</b>

(\*) Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định căn cứ theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Quyết định số 6039/QĐ/UBND ngày 17 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp thực hiện cổ phần hoá. Giá trị lợi thế kinh doanh được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong thời hạn 10 năm theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 05 tháng 09 năm 2014 kể từ thời điểm chuyển sang công ty cổ phần (ngày 01/07/2016).

**11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Thiên Minh	6.676.722.800	6.676.722.800	11.117.330.400	11.117.330.400
Công ty TNHH Kỹ thuật điện, Sản xuất và Thương mại Tân Đức Hàn	5.010.500.000	5.010.500.000	382.250.000	382.250.000
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tín Thành	4.641.803.320	4.641.803.320	496.007.666	496.007.666
Công ty TNHH Thương Mại Minh Sáng	3.928.129.700	3.928.129.700	67.155.000	67.155.000
Công ty TNHH Kỹ thuật máy tính Phúc Châu	3.082.111.450	3.082.111.450	2.428.566.250	2.428.566.250
Công ty Cổ phần Điện Chiếu Sáng Thiên Minh	2.824.580.000	2.824.580.000	-	-
Công ty TNHH Công Nghệ Kiến và Ong	2.353.165.474	2.353.165.474	9.138.881.994	9.138.881.994
Chi nhánh Công ty Cổ phần Bóng đèn phích nước Rạng Đông tại Tiền Giang	1.305.740.645	1.305.740.645	5.880.939.599	5.880.939.599
Công ty Cổ phần Công nghệ chiếu sáng Việt Nam	169.290.000	169.290.000	2.974.202.000	2.974.202.000
Phải trả nhà cung cấp khác	24.386.866.520	24.386.866.520	20.231.319.493	20.231.319.493
	<b>54.378.909.909</b>	<b>54.378.909.909</b>	<b>52.716.652.402</b>	<b>52.716.652.402</b>

**12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thị xã Trảng Bàng	10.711.601.797	6.844.599.900
Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng các công trình giao thông	1.415.330.859	1.415.330.859
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Vạn Thịnh Phát	1.924.680.000	1.924.680.000
Các khách hàng khác	4.521.205.125	399.428.461
	<b>18.572.817.781</b>	<b>10.584.039.220</b>

**13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	770.437.795	1.163.483.742	1.733.684.233	-	200.237.304
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.744.094.178	-	5.418.925.877	-	-	3.674.831.699
Thuế thu nhập cá nhân	603.193.430	-	3.726.229.522	2.139.604.614	-	983.431.478
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	443.629.766	238.161.446	-	205.468.320
	<b>2.347.287.608</b>	<b>770.437.795</b>	<b>10.752.268.907</b>	<b>4.111.450.293</b>	<b>-</b>	<b>5.063.968.801</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**14 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trích trước chi phí thi công các công trình	3.639.530.145	6.307.392.957
Chi phí phải trả khác	60.248.690	52.037.828
	<b>3.699.778.835</b>	<b>6.359.430.785</b>

**15 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thặng dư vốn cổ phần phải nộp Nhà nước (*)	14.232.309.026	14.232.309.026
Phải trả cổ tức	18.655.687.535	197.098.285
Phải trả chi phí hoạt động của HĐQT, BKS, thư ký HĐQT	146.014.795	747.055.630
Phải trả tiền thuế TNCN	7.085.263.800	5.166.199.336
Các khoản phải trả, phải nộp khác	270.809.083	268.243.019
	<b>40.390.084.239</b>	<b>20.610.905.296</b>
<b>Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>15.691.000.000</b>	<b>-</b>
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 29)</i>		

(\*) Thặng dư vốn cổ phần phải nộp về ngân sách Nhà nước theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước khu vực IV đề cập trong Biên bản kiểm toán ngày 01/06/2018.

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	284.000.000.000	-	22.998.132.116	306.998.132.116
Lãi trong kỳ trước	-	-	20.954.224.676	20.954.224.676
Phân phối lợi nhuận	-	-	(20.673.722.000)	(20.673.722.000)
Số dư cuối kỳ trước	<b>284.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>23.278.634.792</b>	<b>307.278.634.792</b>
Số dư đầu kỳ này	284.000.000.000	-	28.341.320.108	312.341.320.108
Lãi trong kỳ này	-	-	21.459.703.509	21.459.703.509
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	1.797.845.000	(1.797.845.000)	-
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	(26.543.475.108)	(26.543.475.108)
Số dư cuối kỳ này	<b>284.000.000.000</b>	<b>1.797.845.000</b>	<b>21.459.703.509</b>	<b>307.257.548.509</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 06 năm 2021, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế		35.956.909.992
Lợi nhuận chưa phân phối các năm trước chuyển sang		2.324.410.116
Tổng lợi nhuận chưa phân phối		38.281.320.108
Trích quỹ đầu tư phát triển	5,00%	1.797.845.000
Chia cổ tức (mỗi cổ phần nhận 1.000 đồng)	78,98%	28.400.000.000
- Số đã tạm chia trong năm 2020		9.940.000.000
- Số chia trong kỳ này		18.460.000.000
Trích quỹ khen thưởng	12,70%	4.567.908.554
Trích quỹ phúc lợi	8,64%	3.105.166.554
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	1,14%	410.400.000

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	30/06/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	144.840.000.000	51,00	144.840.000.000	51,00
Công ty Cổ phần Long Hậu	96.560.000.000	34,00	96.560.000.000	34,00
Các cổ đông khác	42.600.000.000	15,00	42.600.000.000	15,00
	<b>284.000.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>284.000.000.000</b>	<b>100,00</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
<i>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>		
- Vốn góp đầu kỳ	284.000.000.000	284.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	<b>284.000.000.000</b>	<b>284.000.000.000</b>
<i>Cổ tức, lợi nhuận</i>		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	197.098.285	34.485.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	18.460.000.000	14.711.200.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	18.460.000.000	14.711.200.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.410.750	3.971.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.410.750	3.971.000
- Số dư cuối kỳ	<b>18.655.687.535</b>	<b>14.741.714.000</b>



d) Cổ phiếu

	30/06/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.400.000	28.400.000
- Cổ phiếu phổ thông	28.400.000	28.400.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu		

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu kỳ	347.604.004	347.604.004
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	<b>347.604.004</b>	<b>347.604.004</b>

Nguồn kinh phí được cấp là giá trị vật tư Công ty nhận từ Ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ được giao liên quan đến hệ thống chiếu sáng công cộng.

18 . CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại phường 4, phường 13 và phường 14 thuộc quận 5, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 913,9 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến năm 2046); phường Thạnh Lộc, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 1.389,7 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến năm 2059); phường 15, quận 8, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.425,8 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến năm 2060); xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh (tổng diện tích thuê 2.500 m<sup>2</sup>, thời hạn thuê đến năm 2064) để sử dụng với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Doanh thu từ hoạt động duy tu	168.356.298.559	160.472.955.301
Doanh thu từ hoạt động thi công lắp	-	6.403.633.600
Doanh thu khác	137.333.508	363.600.832
	<b>168.493.632.067</b>	<b>167.240.189.733</b>

20 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Giá vốn hoạt động duy tu	112.081.219.467	107.242.015.294
Giá vốn hoạt động xây lắp	-	6.002.007.625
Giá vốn của dịch vụ khác	128.542.636	183.044.471
	<b>112.209.762.103</b>	<b>113.427.067.390</b>

**21 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.278.450.568	4.046.355.758
	<b>3.278.450.568</b>	<b>4.046.355.758</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.038.898.839	1.199.999.757
Chi phí nhân công	15.111.962.781	13.852.532.984
Chi phí khấu hao tài sản cố định	619.361.080	660.333.082
Thuế, phí và lệ phí	747.819.163	1.112.761.278
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.606.697.018	6.419.592.880
Chi phí khác bằng tiền	8.657.188.266	8.325.493.837
	<b>32.781.927.147</b>	<b>31.570.713.818</b>

**23 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2021	06 tháng đầu năm 2020
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	26.878.629.386	26.286.486.133
Các khoản điều chỉnh tăng	216.000.000	374.821.150
- <i>Phạt vi phạm về thuế và tiền chậm nộp thuế TNDN</i>	-	55.621.150
- <i>Thù lao cán bộ quản lý không chuyên trách</i>	216.000.000	319.200.000
Thu nhập chịu thuế TNDN	27.094.629.386	26.661.307.283
Thu nhập tính thuế TNDN	27.094.629.386	26.661.307.283
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>5.418.925.877</b>	<b>5.332.261.457</b>
Thuế TNDN phải nộp/(phải thu) đầu kỳ	(1.744.094.178)	629.753.638
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	(1.230.220.601)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>3.674.831.699</b>	<b>4.731.794.494</b>

**24 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.459.703.509	20.954.224.676
Các khoản điều chỉnh:	(2.778.728.000)	(1.718.592.000)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)</i>	(2.778.728.000)	(1.002.512.000)
- <i>Ngân sách hoạt động của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT và Ban điều hành</i>	-	(716.080.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	18.680.975.509	19.235.632.676
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	28.400.000	28.400.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>658</b>	<b>677</b>

(i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021, Công ty dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và Quỹ khen thưởng người quản lý trên lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021, tương ứng với số tiền 5.557.456.000 VND.

**25 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	77.939.088.866	89.096.672.725
Chi phí nhân công	56.960.153.776	51.541.270.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	662.855.180	708.501.782
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.189.609.514	19.958.290.808
Chi phí khác bằng tiền	9.420.903.429	9.438.255.115
	<b>167.172.610.765</b>	<b>170.742.991.276</b>

## 26 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	178.316.930.892	-	153.742.101.550	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.336.436.748	-	155.958.566.165	-
Đầu tư ngắn hạn	80.000.000.000	-	35.000.000.000	-
	<b>329.653.367.640</b>	<b>-</b>	<b>344.700.667.715</b>	<b>-</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2021	01/01/2021
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác			94.768.994.148	73.327.557.698
Chi phí phải trả			3.699.778.835	6.359.430.785
			<b>98.468.772.983</b>	<b>79.686.988.483</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

#### Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Tiền và tương đương tiền	178.316.930.892	-	-	178.316.930.892
Phải thu khách hàng, phải thu khác	71.336.436.748	-	-	71.336.436.748
Đầu tư ngắn hạn	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
	<b><u>329.653.367.640</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>329.653.367.640</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Tiền và tương đương tiền	153.742.101.550	-	-	153.742.101.550
Phải thu khách hàng, phải thu khác	155.958.566.165	-	-	155.958.566.165
Đầu tư ngắn hạn	35.000.000.000	-	-	35.000.000.000
	<b><u>344.700.667.715</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>344.700.667.715</u></b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	94.768.994.148	-	-	94.768.994.148
Chi phí phải trả	3.699.778.835	-	-	3.699.778.835
	<b><u>98.468.772.983</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>98.468.772.983</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2021</b>				
Phải trả người bán, phải trả khác	73.327.557.698	-	-	73.327.557.698
Chi phí phải trả	6.359.430.785	-	-	6.359.430.785
	<b><u>79.686.988.483</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>79.686.988.483</u></b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

## 27 . THÔNG TIN KHÁC

Trong năm 2020, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Hiện tại, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó, số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hoá được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

## 28 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

## 29 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Long Hậu	Cổ đông lớn
- Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2020)
- Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT
- Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2020)
- Ông Mai Đăng Khôi	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
- Bà Trần Thị Hạnh Tiên	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 09 năm 2020 - Miễn nhiệm ngày 30 tháng 06 năm 2021)
- Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng giám đốc
- Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng giám đốc
- Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
<b>Chia cổ tức trong năm</b>	-	12.504.520.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	-	7.502.712.000
- Công ty Cổ phần Long Hậu	-	5.001.808.000
<b>Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:</b>	<b>30/06/2021</b> VND	<b>01/01/2021</b> VND
<b>Phải thu khác</b>	<b>808.698.388</b>	<b>808.698.388</b>
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	808.698.388	808.698.388
<b>Phải trả khác (cổ tức)</b>	<b>15.691.000.000</b>	-
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh	9.414.600.000	-
- Công ty Cổ phần Long Hậu	6.276.400.000	-


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc như sau:


STT	Họ và tên	Chức danh	06 tháng đầu năm 2021 VND	06 tháng đầu năm 2020 VND
1	Ông Trần Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	252.830.769	-
2	Ông Huỳnh Trí Dũng	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	385.200.000	398.809.110
3	Ông Nguyễn Đình Thọ	Thành viên HĐQT	-	55.680.000
4	Ông Bùi Lê Anh Hiếu	Thành viên HĐQT	-	-
5	Bà Trần Thị Hạnh Tiên	Thành viên HĐQT	-	-
6	Ông Mai Đăng Khôi	Thành viên HĐQT	-	-
7	Ông Trần Chiến Thắng	Phó Tổng Giám đốc	388.700.000	382.350.934
8	Ông Nguyễn Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	388.700.000	379.628.702
9	Ông Dương Chí Nam	Phó Tổng Giám đốc	388.700.000	379.628.702
			<b>1.804.130.769</b>	<b>1.596.097.448</b>


### 30 . SỐ LIỆU SO SÁNH

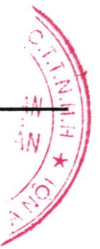
Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

  
Trương Thị Thùy Ngân  
Người lập biểu

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 08 năm 2021

  
Nguyễn Thị Xuân Đông  
Kế toán trưởng

  
Huỳnh Trí Dũng  
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG TPHCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 733...../CV-CSCC  
V/v giải trình ý kiến ngoại trừ của Công ty  
kiểm toán trên Báo cáo tài chính  
soát xét bán niên năm 2021

TPHCM, ngày 13 tháng 8 năm 2021

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)**

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Tại báo cáo kiểm toán ngày 13 tháng 08 năm 2021, Công ty TNHH Hãng Kiểm toán có nêu ý kiến kiểm toán ngoại trừ và nhấn mạnh như sau:

1. **Ý kiến ngoại trừ:** “Tại Báo cáo kiểm toán số 300321.013/BCTC.KT1 ngày 30 tháng 03 năm 2021 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ liên quan đến việc chưa thu thập được xác nhận công nợ và chưa đánh giá được khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu khách hàng với số tiền 3,573 tỷ đồng. Tại thời điểm 30/06/2021, chúng tôi vẫn chưa thu thập được các tài liệu nêu trên, do đó chúng tôi không thể xác định được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty”.

Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Thực hiện theo quy định, hàng năm Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM đều gửi bảng đối chiếu công nợ đến từng khách hàng. Tuy nhiên vẫn có 01 số khách hàng chưa xác nhận công nợ dù Công ty đã tích cực đề nghị. Trong thời gian tới Công ty vẫn tiếp tục làm việc với các khách hàng về vấn đề này.

2. **Ý kiến nhấn mạnh:**

- “Trong năm 2020, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty đã được kiểm toán bởi Kiểm toán Nhà nước Khu vực XIII và Công ty đã thực hiện điều chỉnh hồi tố trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020. Hiện tại, Báo cáo quyết toán cổ phần hóa của Công ty chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Theo đó số liệu Báo cáo tài chính của Công ty có thể thay đổi khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được phê duyệt từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Thuyết minh số 27 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ).
- Công ty ghi nhận giá trị quyết toán của các công trình hoàn thành trong giai đoạn trước khi cổ phần hóa trên khoản mục Phải thu khác với tổng số tiền là 8,997 tỷ đồng và chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền (Chi tiết xem Thuyết minh số 7 của Bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ).





Công ty cổ phần Chiếu sáng công cộng TPHCM xin giải trình nội dung trên như sau:

Hiện nay, Công ty đã nhận được thông báo phê duyệt quyết toán của các hợp đồng thực hiện trong giai đoạn trước cổ phần hóa (trước ngày 01/07/2016), theo đó kết quả phê duyệt quyết toán có điều chỉnh tăng, giảm doanh thu. Do đó Công ty tạm ghi nhận các khoản này trên khoản mục phải thu, phải trả khác và đang chờ hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền khi Báo cáo quyết toán cổ phần hóa được duyệt.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết về các nội dung trong bản giải trình là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin.

Rất mong Quý Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**   
  
**Huỳnh Trí Dũng**

  
479-C.T.C.P  
CÔNG CỘNG  
PHỐ  
MINH  
HỒ CHÍ MINH